

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DS-ST

Ngày: 30-9-2017

V/v tranh chấp về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017, về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố X, thị trấn Y, huyện X, tỉnh Tây Ninh.

Ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng cho giám đốc Chi nhánh Ngân hàng X huyện X, tỉnh Tây Ninh do ông Lê B – Giám đốc Chi nhánh làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê B là ông Nguyễn C, chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 27-9-2017) “có mặt”.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1963. “vắng mặt”

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã K, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-6-2017 của nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh X và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28-02-2005, bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E có vay của Ngân hàng A tại Chi nhánh huyện X (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 10.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2005/32/0000050, lãi suất trong hạn 1,23%/tháng, lãi suất quá hạn 1,845%/tháng, thời hạn vay 24 tháng (ngày trả nợ cuối cùng 10-01-2007), mục

đích sử dụng vốn để chăn nuôi. Theo hợp đồng giữa bà F và ông E ký với Ngân hàng là hợp đồng tín chấp, không thế chấp tài sản. Từ khi vay cho đến nay, ông E và bà F không trả tiền gốc và tiền lãi lần nào mặc dù cán bộ Ngân hàng có đến nhà yêu cầu vợ chồng bà F và ông E trả tiền nhiều lần nhưng không trả. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 37.236.300 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28-02-2005 đến ngày 30-9-2017 là 27.236.300 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số: 2005/32/0000050 từ ngày 01-10-2017 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị F đã khai:

Năm 2005, bà có vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất nhưng bà không nhớ cụ thể bao nhiêu, không thế chấp tài sản. Bà dùng số tiền vay để kinh doanh mua bán. Từ khi vay cho đến nay, bà không trả tiền gốc và tiền lãi lần nào cho Ngân hàng. Tuy nhiên trong khoảng thời gian dài, cán bộ Ngân hàng không yêu cầu bà trả cho đến tháng 5/2017 thì có đến nhà làm việc và yêu cầu bà trả số tiền 10.000.000 đồng. Bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 10.000.000 đồng, không chấp nhận trả tiền lãi vì hiện tại kinh tế gia đình khó khăn.

Đồng bị đơn – ông Nguyễn Văn E đã khai:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị F và không có ý kiến gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng qui định pháp luật, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Viện kiểm sát không phát hiện có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E phải trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 28-02-2005 đến ngày 30-9-2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 15-6-2017, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E trả số tiền vay 10.000.000 đồng, bà F và ông E có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, bà F và ông

E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà F và ông E. Bà F và ông E phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số: 2005/32/0000050 ngày 28-02-2005 với Ngân hàng để vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất trong hạn 1,23%/tháng, lãi suất quá hạn 1,845%/tháng, thời hạn vay 24 tháng (ngày trả nợ cuối cùng 10-01-2007) nhưng từ khi vay cho đến nay ông F và bà E chưa trả số tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, lời khai của ông E, bà F phù hợp với lời khai và tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Do đó đây là sự kiện có thật không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xác định bà F và ông E còn nợ Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E thấy rằng: Ngân hàng cho rằng ngày 28-02-2005, bà F và ông E vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cho vay 24 tháng (ngày trả nợ cuối cùng 10-01-2007) nên yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 28-02-2005 đến ngày 30-9-2017 là 27.236.300 đồng. Tuy nhiên, quá trình làm việc, ông F và bà E cho rằng sau khi vay không có tiền trả nợ nhưng Ngân hàng cũng không đến yêu cầu trả tiền lãi mà để quá lâu nên bà F, ông E không chấp nhận trả tiền lãi. Quá trình làm việc và tại phiên tòa Ngân hàng thừa nhận biết việc bà F và ông E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nhưng đến ngày 15-6-2017 Ngân hàng mới khởi kiện là đã vi phạm thời hiệu khởi kiện theo qui định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ngân hàng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoảng thời gian từ năm 2009 đến trước ngày 15-6-2017 bà F và ông E thừa nhận nợ tiền lãi. Do đó yêu cầu trả tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu đã hết thời hiệu yêu cầu.

[4]. Từ những phân tích nêu trên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E. Buộc bà F và ông E trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E về việc yêu cầu ông F, bà E trả tiền lãi từ ngày 28-02-2005 đến ngày 30-9-2017 là 27.236.300 đồng.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị F, ông Nguyễn Văn E và Ngân hàng phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X đối với bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E. Buộc bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X đối với bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E về việc yêu cầu ông F, bà E trả tiền lãi từ ngày 28-02-2005 đến ngày 30-9-2017 là 27.236.300 (hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền cho Ngân hàng thì hàng tháng bà F và ông E còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E phải chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X phải chịu 1.361.000 đồng, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 914.000 đồng theo biên lai số: 0020879 ngày 27-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X còn phải nộp 447.000 (bốn trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng A – Chi nhánh huyện X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị F và ông Nguyễn Văn E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi bà F và ông E cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trang Thái Châu